

Bản án số: 47/2025/HS-PT

Ngày: 11 - 8 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tấn Long.

Các Thẩm phán: ông Đặng Kim Nhân
ông Trần Quốc Cường

- Thư ký phiên tòa: ông Lương Quang Toàn - Thư ký Toà phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Trần Viết Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 46/2025/TLPT-HS ngày 23 tháng 01 năm 2025 đối với bị cáo **Trần Thị T1**; do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 144/2024/HSST ngày 17 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

** Bị cáo có kháng cáo:*

Trần Thị T1, sinh ngày 25/12/1973, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: **Số H đường Y, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk** (nay là **Số H đường Y, phường B, tỉnh Đắk Lắk**); chỗ ở hiện nay: **Số C B, phường A, quận D, thành phố Hồ Chí Minh** (nay là **Số C B, phường X, thành phố Hồ Chí Minh**); nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Trần Văn C**, sinh năm 1937 và bà **Nguyễn Thị B** (Đã chết); có chồng là **Bùi Văn H** (Đã ly hôn) và có 04 con, con lớn nhất sinh năm 1995, con nhỏ nhất sinh năm 2005.

Tiền sự: không;

Tiền án: Ngày 26/11/2010 bị Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xử phạt 08 năm tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, đến ngày 30/8/2013 được đặc xá.

Ngày 26/02/2016 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội Chứa mại dâm, đến ngày 19/9/2016, chấp hành xong hình phạt.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 25/8/2024 cho đến nay, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: ông Đặng Ngọc H1 – Luật sư Văn phòng L2 – Đoàn Luật sư tỉnh Đ; địa chỉ: B T, phường B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị L; địa chỉ: Thôn E, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; (nay là xã Q, tỉnh Lâm Đồng); vắng mặt.

2. Bà Hoàng Bảo T2; địa chỉ: Thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; (nay là xã H, tỉnh Đắk Lắk); vắng mặt.

3. Ông Phạm Hải N; địa chỉ: thôn Q, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là thôn Q, xã E, tỉnh Đắk Lắk) vắng mặt.

4. Ông Lê Phạm T3; địa chỉ: Sô A T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là Sô A T, phường B, tỉnh Đắk Lắk); vắng mặt.

5. Ông Nguyễn Cao S; địa chỉ: Tổ dân phố H, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk (nay là Tổ dân phố H, phường B, tỉnh Đắk Lắk) vắng mặt;

* Người làm chứng: bà Huỳnh Thị Mỹ D; địa chỉ: Thôn D, xã H, thành phố B; tỉnh Đắk Lắk (nay là phường B; tỉnh Đắk Lắk); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2013, Trần Thị T1 thuê lại nhà nghỉ N2, tại địa chỉ: Thôn F, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk từ bà Phạm Thị Thanh N1 (chưa xác định nhân thân, lai lịch) để kinh doanh dịch vụ nhà nghỉ và sinh sống tại đây. Đầu năm 2015, Huỳnh Thị Mỹ D (sinh năm 1990, nơi cư trú: Thôn D, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk) đến thuê phòng trong nhà nghỉ N2 nên T1 quen biết D. Trần Thị T1 cũng quen biết Nguyễn Thị L (thường gọi là M, sinh năm 1992, nơi cư trú: Thôn E, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông) và Hoàng Bảo T2 (thường gọi là T4, sinh năm 1980, nơi cư trú: Thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk) do L và T2 thường đến nhà nghỉ N2 thuê phòng. Ngoài ra, T1 quen biết Phạm Hải N, sinh năm 1991, nơi cư trú: Thôn Q, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Tuệ không có mâu thuẫn gì với D, L, T2 và N.

Tối ngày 20/6/2017, Phạm Hải N cùng bạn là Lê Phạm T3 và Nguyễn Cao S (sinh năm 1995, nơi cư trú: Tổ dân phố H, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk) cùng ngồi nhậu với nhau tại huyện C, tỉnh Đắk Nông. Sau khi nhậu xong thì N nói đi qua xã H, thành phố B, để mua dâm thì T3 và S nói muốn đi cùng. Sau đó cả 3 đi xe taxi hướng từ huyện C, tỉnh Đắk Nông tới xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Trên đường đi N sử dụng điện thoại di động kèm sim số 01658.970.409 gọi điện cho Trần Thị T1 (T1 sử dụng số điện thoại 01636.161.623) để đặt vấn đề với T1 về việc T1 gọi gái bán dâm đến nhà nghỉ N2 để bán dâm cho N thì T1 đồng ý. Khi N gọi điện thoại đặt vấn đề để T1 gọi gái bán dâm đến nhà nghỉ N2 để bán dâm cho N, S và T3 thì T1 đồng ý.

Tối ngày 20/6/2017, Huỳnh Thị Mỹ D cũng có mặt tại nhà nghỉ N2. T1

nói với **D** là có khách có nhu cầu mua dâm tại **nhà nghỉ N2** và đặt vấn đề với **D** bán dâm cho khách (do trước đây **D** đã nhiều lần bán dâm tại **nhà nghỉ N2**). Tuy nhiên, **D** không đồng ý nên **T1** đã xin **D** số điện thoại của **L** rồi trực tiếp gọi **L** đến bán dâm cho khách tại **nhà nghỉ N2** thì **L** đồng ý. Sau đó, **T1** còn sử dụng điện thoại gọi điện cho **Hoàng Bảo T2** nói **T2** đến **nhà nghỉ N2** để bán dâm cho khách thì **T2** đồng ý. Lúc đó, **T2** yêu cầu với **T1** khi bán dâm xong cho khách thì **T1** phải trả cho **T2** số tiền 500.000đ (do trước đây khi bán dâm tại **nhà nghỉ N2** thì **T1** chỉ trả cho **T2** số tiền 400.000đ).

Khi **N**, **T3** và **S** đi đến **nhà nghỉ N2** thì **T1** nói là mới chỉ có một gái bán dâm (khi này thì **L** đã đến **nhà nghỉ N2**). Sau đó, khi **T2** đi đến **nhà nghỉ N2** thì **T1** nói với **N**, **T3** và **S** là giá bán dâm của **T2** là 500.000đ và **T1** sẽ lấy 100.000đ (tiền phòng) thì **N** đồng ý mua dâm với **T2** và **N** đã đưa cho **T1** số tiền 600.000đ. **T3** thoả thuận với **T1** giá mua bán dâm với **L** là 500.000đ (bao gồm 100.000đ tiền phòng), **T3** đã đưa số tiền 500.000đ cho **T1**. Sau khi thoả thuận xong thì **T1** bố trí **N** và **T2** vào phòng 101; **T3** và **L** vào phòng 102 để thực hiện hành vi mua bán dâm. Do mới chỉ có 02 gái bán dâm nên **T1** nói Sinh ngồi tại sảnh **nhà nghỉ N2** để chờ gái bán dâm. Khi **N** và **T2**, **T3** và **L** đang thực hiện hành vi mua bán dâm tại **nhà nghỉ N2** thì cơ quan Công an phát hiện bắt quả tang. Tại thời điểm cơ quan Công an bắt quả tang thì **N** và **T3** đã thanh toán cho **T1** tổng số tiền 1.100.000đ là tiền **N** và **S** mua dâm **L** và **T2**. Do bị cơ quan Công an bắt quả tang nên **T1** chưa trả tiền bán dâm cho **T2** và **L** vào tối ngày 20/6/2017.

Tại Bản cáo trạng số 167/CT-VKSDL-P2 ngày 22 tháng 11 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk truy tố bị cáo Trần Thị Tuệ về tội "*Chứa mại dâm*" quy định tại khoản 2 Điều 327 Bộ luật Hình sự.

[2] Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 144/2024/HSST ngày 17 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo **Trần Thị T1** phạm tội: "Chứa mại dâm";

Áp dụng điểm h khoản 2 Điều 327 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo **Trần Thị T1** 06 (Sáu) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giam 25/8/2024.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[3] Kháng cáo:

Ngày 24 - 12-2024 bị cáo **Trần Thị T1** có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, cho rằng bị cáo không có thực hiện hành vi phạm tội như Bản án sơ thẩm quy kết. Nêu lý do kháng cáo là “vào lúc 18h30 phút ngày 20-6-2017, Tôi bị Công an bắt lên trụ sở Công an tỉnh Đ làm việc và đưa tôi vào Trại giam tạm giữ tôi 09 ngày. Hết 09 ngày tôi được Công an tỉnh Đ trả tự do vào ngày 29-6-2024”. Sau 07 năm, đến ngày 25-8-2024 thì Bị cáo bị khởi tố tội chứa mại dâm với hành vi xảy ra vào lúc tối ngày 20-6-2017 là không phù hợp. Các cuộc điện thoại từ số máy của bị cáo đến những người liên quan, người làm chứng là khi bị

cáo đã bị Công an giữ người và thu máy điện thoại.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị cáo **Trần Thị T1** giữ nguyên nội dung kháng cáo. Bị cáo và người bào chữa cho bị cáo có ý kiến cho rằng vào lúc 18 h 30 phút ngày 20-6-2017 thì Cơ quan công an đã giữ bị cáo ở Phòng trọ số 1 và có người giữ bị cáo, không cho ra ngoài. Mọi việc diễn ra sau 18h30 vào ngày 20-6-2017 thì bị cáo **T1** không có thực hiện và không biết việc gì đã xảy ra. Bị cáo không thực hiện hành vi Chứa mại dâm như Bản án sơ thẩm quy kết. Khi có Cáo trạng thì bị cáo đã có khiếu nại. Đề nghị cho đối chất với những người liên quan, người làm chứng. Do không đối chất được để làm rõ nên đề nghị huỷ bản án sơ thẩm để điều tra lại hoặc tuyên bị cáo không phạm tội.

Kiểm sát viên đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử, những người tiến hành và tham gia tố tụng khác đã thực hiện và tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; đây là phiên tòa phúc thẩm được mở lần thứ 3, nhưng vẫn vắng người liên quan, người làm chứng; đề nghị căn cứ vào các tài liệu chứng cứ để tiến hành xét xử.

- Về nội dung kháng cáo: sau khi phân tích nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên tội danh và hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm, các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tại thời điểm phát hiện tội phạm, Cơ quan điều tra đã thực hiện cho tự khai, lấy lời khai đầy đủ những người liên quan, người làm chứng và lập các loại Biên bản sự việc quả tang theo quy định.

Tại phiên tòa phúc thẩm được mở lần thứ 3, Tòa án cấp phúc thẩm đã triệu tập hợp lệ những người liên quan và người làm chứng, nhưng đều vắng mặt. Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử theo quy định chung.

[2] Về hành vi phạm tội:

Tối ngày 20/6/2017, **Phạm Hải N**, **Lê Phạm T3** và **Nguyễn Cao S** rủ nhau qua **nhà nghỉ N2** để mua dâm. Sau đó, **N** sử dụng điện thoại di động kèm sim số

01658.970.409 gọi điện cho **Trần Thị T1** (**T1** sử dụng số điện thoại 01636.161.623) để đặt vấn đề với **T1** về việc **T1** gọi gái bán dâm đến **nhà nghỉ N2** để bán dâm cho **N** thì **T1** đồng ý. Theo các lời khai của **Phạm Hải N**, **Lê Phạm T3** và **Nguyễn Cao S** đều xác định: Tối ngày 20/6/2017 thì **N**, **T3** và **S** có gọi điện cho **T1** để đặt vấn đề với **T1** về việc **T1** gọi gái bán dâm đến **nhà nghỉ N2** để bán dâm cho **N**, **T3** và **S** (phù hợp với biên bản kiểm tra điện thoại của **Phạm Hải N**, vào lúc 19 giờ 55 phút, ngày 20/6/2017 có số điện thoại 01658970409 của **N** gọi đến số 01636.161.623 của **T1**).

Lúc đó, bà **Huỳnh Thị Mỹ D** cũng có mặt tại **nhà nghỉ N2**. Theo lời khai của bà **Huỳnh Thị Mỹ D** thì: Tối ngày 20/6/2017 tại **nhà nghỉ N2** thì bị cáo **T1** có đặt vấn đề với **D** về việc **D** bán dâm cho khách tại **nhà nghỉ N2**, nhưng do **D** bị ốm nên **T1** đã gọi **L** và **T2** đến nhà nghỉ để bán dâm cho khách. **T1** là người nhờ **D** đi nộp tiền điện thoại (phù hợp với dữ liệu trích xuất tin nhắn của tổng đài mạng Viettel ngày 20/6/2017).

Tại các biên bản lấy lời khai **Nguyễn Thị L** và **Hoàng Bảo T2** đều xác định: Tuệ có gọi điện cho **L** và **T2** để đặt vấn đề với **L** và **T2** về việc **L** và **T2** đến **nhà nghỉ N2** để bán dâm cho khách (phù hợp với biên bản kiểm tra điện thoại của **Hoàng Bảo T2**, lúc 20 giờ 24 phút ngày 20/6/2017 có số điện thoại 01636.161.623 của **T1** gọi đến số 0977297071 của **T2** và có số điện thoại 01636.161.623 của **T1** gọi đến số 01688333152 của **L**).

Xét thấy, lời khai của **Phạm Hải N**, **Lê Phạm T3**, **Nguyễn Cao S**, **Huỳnh Thị Mỹ D**, **Nguyễn Thị L** và **Hoàng Bảo T2** tại thời điểm phát hiện quả tang đêm 20/6/2017 và **L1** khai quá trình điều tra đều phù hợp với Biên bản kiểm tra điện thoại và dữ liệu trích xuất tin nhắn của tổng đài mạng Viettel ngày 20/6/2017.

Tại Biên bản làm việc về việc đối tượng bị bắt quả tang vào lúc 22 giờ 35 phút ngày 20/6/2017, lập tại **Nhà nghỉ N2** có đầy đủ thành phần tham gia chứng kiến và những người liên quan ký tên xác nhận sự việc có 02 cặp nam nữ (**T3-Liên**; **N-T2**) đang mua bán dâm tại phòng 101 và 102 của **nhà nghỉ N2** (*bút lục 157*).

Tại nhiều bản tường trình và Biên bản ghi lời khai vào tháng 6/2017 của bị cáo **Trần Thị T1** đều thừa nhận bị cáo là người quản lý **nhà nghỉ N2**; vào tối ngày 20/6/2017 bị cáo đã dùng điện thoại của mình liên lạc với **M** (**Nguyễn Thị L**) và **T4** (**Hoàng Bảo T2**) đến nhà nghỉ của bị cáo (*từ bút lục 147 đến 155*).

Bị cáo khai vào lúc 18 giờ 30 phút, ngày 20/6/2017 bị cáo đã bị **Công an tỉnh Đ** bắt và thu giữ điện thoại, nên không biết sự việc gì đã xảy ra. Tuy nhiên, máy điện thoại của bị cáo có cài mật khẩu và không có ai yêu cầu bị cáo mở mật khẩu vào thời điểm đó, (*bút lục 151, 152*). Tại các lời khai, Bị cáo cũng xác định thời điểm tối ngày 20/6/2017 thì có **M**, **T4**, **N** và 02 người thanh niên nữa đã đi vào nhà nghỉ của bị cáo, “*đi vào bên trong phòng mẹ con tôi đang ở, sau đó thì tôi không để ý đến họ nữa*” (*bút lục 147, 148*). Như vậy, bị cáo xác nhận tối 20/6/2017 có các cặp nam nữ đến nhà nghỉ bị cáo đang quản lý, lúc này bị cáo chưa bị tạm giữ nên đã xác định được sự việc; đến khoảng 21h cùng ngày thì Cơ

quan công an đã bắt quả tang những người này đang mua bán dâm tại **Nhà nghỉ N2** mà bị cáo đang quản lý. Các cuộc gọi điện thoại từ số máy điện thoại của bị cáo gọi đến máy của **M** và **T4** đều trước 21h ngày 20/6/2017.

Từ các căn cứ trên, nhận thấy Bản án sơ thẩm đã quyết định bị cáo **Trần Thị T1** đã phạm tội “*Chứa mại dâm*” theo quy định tại khoản 2 Điều 327 Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Kháng cáo về tội danh của bị cáo không có cơ sở chấp nhận.

[3] Về hình phạt:

Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật hình sự, ảnh hưởng xấu đến trật tự xã hội; bị cáo đã có hai tiền án chưa được xóa án tích nay tiếp tục có hành vi phạm tội, thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; đồng thời cũng không được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Bản án sơ thẩm đã quyết định hình phạt 06 (Sáu) năm 06 (**S1**) tháng tù là bảo đảm cho công tác đấu tranh phòng chống tội phạm.

[4] Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên tội danh và hình phạt đối với bị cáo. Về án phí hình sự phúc thẩm bị cáo **Trần Thị T1** phải chịu là 200.000 đồng. Các quyết định khác không có kháng cáo, kháng nghị được giữ nguyên như bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Trần Thị T1**; giữ nguyên tội danh và hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm số 144/2024/HSST ngày 17 tháng 12 năm 2024 của **Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk**.

2. Áp dụng điểm h khoản 2 Điều 327 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo **Trần Thị T1** 06 (Sáu) năm 06 (**S1**) tháng tù về tội "Chứa mại dâm"; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giam 25-8-2024.

Bị cáo **Trần Thị T1** phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm .

3. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDTC - Vụ I;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THA dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam thuộc CA tỉnh Đắk Lắk
(02 bản để giao cho bị cáo 01 bản);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Phòng HCTP, LTHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tấn Long